

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI



GIÁO TRÌNH

KINH TẾ VI MÔ

Trình độ: Cao đẳng

Nghề: Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã môn học: MH 26

LỜI MỞ ĐẦU

Giáo trình kinh tế học vi mô là tài liệu dùng trong giảng dạy và học tập dành cho sinh viên năm thứ nhất khối ngành kinh tế. Tài liệu được biên soạn nhằm cung cấp cho bạn đọc nghiên cứu các quy luật, nguyên lý kinh tế cơ bản, tiếp cận tư duy phân tích của một nhà kinh tế đối với các sự kiện kinh tế thông qua các mô hình. Các chủ đề bao gồm: phân tích cung cầu; lý thuyết lựa chọn tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, phân tích hành vi ra quyết định của doanh nghiệp trong cấu trúc thị trường; phân tích chính sách công đối với các vấn đề như thuế, thương mại quốc tế, ngoại ứng và hàng hóa công cộng.

Các nhà kinh tế thường tiếp cận các vấn đề trong nền kinh tế thông qua phân tích cung cầu: bằng cách nghĩ về người mua và bán là các lực lượng cầu thành thị trường; mục tiêu và những ràng buộc để phát triển các mô hình; mô tả các điều kiện cho cân bằng thị trường; và giải pháp xác định cân bằng cũng như các thay đổi cân bằng thị trường khi có sự tác động chính phủ vào thị trường. Với cách tiếp cận này, bạn đọc có thể dễ dàng hiểu được sự vận hành và tương tác của các lực lượng cấu thành thị trường, cơ chế giá cả và cách thức phân bổ nguồn lực đối với các đặc tính thị trường khác nhau.

Với bạn đọc khi bắt đầu nghiên cứu kinh tế vi mô, không ai nói rằng đây là môn học dễ, nhiều bạn đọc thậm chí cho rằng đây là môn học khó khăn nhất. Mặc dầu như vậy, nhưng hầu hết các bạn có thể kiểm soát việc học tập của mình và chúng tôi đảm bảo rằng bạn có thể thành công. Nhưng để nghiên cứu tốt môn học này đòi hỏi người học phải cam kết và kiên trì với một kế hoạch học tập thích hợp; đọc tài liệu và nắm yêu cầu học tập trước khi đến lớp; đọc thêm các tài liệu liên quan và tin tức kinh tế; liên kết nội dung bài học với các sự kiện kinh tế; đặt câu hỏi phân tích và suy luận vấn đề.

Để hỗ trợ cho bạn đọc trong quá trình nghiên cứu và ôn tập, tác giả đã liệt kê các khái niệm và thuật ngữ quan trọng được in đậm trong giáo trình ở cuối mỗi chương. Các câu hỏi ôn tập và chỉ dẫn tóm lược để hỗ trợ cho bạn đọc hệ thống hóa kiến thức và luyện tập mô hình với một số vấn đề và ứng dụng. Ngoài ra, nhóm biên soạn lược dịch một số bài báo liên quan đến các sự kiện kinh tế nổi bật. Điều này làm cho bạn đọc dễ dàng liên kết lý thuyết với vấn đề thực tiễn và điều quan trọng là trao dồi kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế.

Tôi xin chân thành cảm ơn những tác giả trong các tài liệu mà tôi đã tham khảo trong quá trình biên soạn giáo trình này. Nhân dịp này, lời cảm ơn xin được gửi đến các đồng nghiệp đã tham gia biên soạn và đóng góp nhiều ý kiến quý giá. Sự thành công của giáo trình phải kể đến sự ủng hộ của bạn đọc, những người luôn chia sẻ những ý kiến để tôi hoàn thiện giáo trình.

Tác giả

Nguyễn Thị Diệu Linh

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VI MÔ.....	1
NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ CƠ BẢN	1
BA VẤN ĐỀ KINH TẾ CƠ BẢN.....	1

NỀN KINH TẾ: TỔNG QUAN	2
VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ.....	5
KINH TẾ HỌC LÀ GÌ?.....	6
KINH TẾ HỌC.....	6
KHOA HỌC VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ	7
KINH TẾ HỌC THỰC CHỨNG VÀ CHUẨN TẮC	9
DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	9
LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP	9
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	10
KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ.....	11
PHỤ LỤC: SỰ LỰA CHỌN VÀ CHI PHÍ CƠ HỘI.....	21
CHI PHÍ CƠ HỘI.....	21
ĐƯỜNG CONG NĂNG LỰC SẢN XUẤT.....	21
CHUYÊN MÔN HÓA VÀ THƯƠNG MẠI.....	26
CHƯƠNG 2: CUNG CẦU VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG.....	35
THỊ TRƯỜNG VÀ CẠNH TRANH	35
THỊ TRƯỜNG	35
CẠNH TRANH HOÀN HẢO VÀ KHÔNG HOÀN HẢO	35
CẦU HÀNG HÓA.....	36
KHÁI NIỆM CẦU	36
DỊCH CHUYỂN TRÊN ĐƯỜNG CẦU VÀ DỊCH CHUYỂN CẦU.....	37
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CẦU.....	38
ẢNH HƯỞNG QUỐC TẾ	41
CUNG HÀNG HÓA	41
KHÁI NIỆM CUNG	41
DỊCH CHUYỂN TRÊN ĐƯỜNG CUNG VÀ DỊCH CHUYỂN CUNG.....	42
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CUNG	43
ẢNH HƯỞNG QUỐC TẾ	44
CÂN BẰNG THỊ TRƯỜNG	45
CÂN BẰNG CUNG CẦU	45
SỰ DỊCH CHUYỂN CUNG CẦU.....	46
CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ	47
CHÍNH SÁCH ĐIỀU CHỈNH GIÁ	47
CHÍNH SÁCH ỔN ĐỊNH GIÁ.....	49
THUẾ VÀ HẠN NGẠCH.....	50
CHƯƠNG 3: ĐỘ CO GIÃN CỦA CUNG CẦU.....	59
ĐỘ CO GIÃN CỦA CẦU	59
KHÁI NIỆM VỀ ĐỘ CO GIÃN	59
ĐỘ CO GIÃN CỦA CẦU.....	61
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ CO GIÃN CỦA CẦU	66
ĐỘ CO GIÃN CỦA CUNG.....	66

CÁC ỨNG DỤNG VỀ ĐỘ CO GIÃN	69
ĐỘ CO GIÃN VÀ DOANH THU.....	69
ĐỘ CO GIÃN VÀ THUẾ	70
ĐƯỜNG CONG LAFFER.....	72
CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT LỰA CHỌN TIÊU DÙNG	81
HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	81
MỤC TIÊU NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	81
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	81
TÁC ĐỘNG THU NHẬP VÀ THAY THẾ.....	82
LÝ THUYẾT LỢI ÍCH	83
LỢI ÍCH	83
MÔ HÌNH LỰA CHỌN TIÊU DÙNG.....	84
CÂN BẰNG TIÊU DÙNG VÀ ĐƯỜNG CẦU.....	85
LÝ THUYẾT ĐẲNG ÍCH.....	86
ĐƯỜNG ĐẲNG ÍCH.....	86
ĐƯỜNG NGÂN SÁCH.....	88
CÂN BẰNG TIÊU DÙNG VÀ ĐƯỜNG ĐẲNG ÍCH.....	89
CHƯƠNG 5: LÝ THUYẾT SẢN XUẤT - CHI PHÍ.....	103
LÝ THUYẾT SẢN XUẤT.....	103
HÀM SỐ SẢN XUẤT	103
SẢN XUẤT THEO THỜI GIAN	111
LÝ THUYẾT CHI PHÍ.....	111
BẢN CHẤT CHI PHÍ.....	111
CHI PHÍ SẢN XUẤT NGẮN HẠN	112
CHI PHÍ SẢN XUẤT DÀI HẠN.....	117
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT.....	118
MỤC TIÊU VÀ RÀNG BUỘC	119
CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN.....	119
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT TỐI ƯU	121
CHƯƠNG 6: CẠNH TRANH HOÀN HẢO.....	133
CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG.....	133
PHÂN LOẠI THỊ TRƯỜNG.....	133
CẠNH TRANH TRONG CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG	134
ĐƯỜNG CẦU CỦA DOANH NGHIỆP.....	134
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT.....	135
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT NGẮN HẠN.....	135
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT DÀI HẠN	139
CHƯƠNG 7: CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	153
ĐỘC QUYỀN.....	153
THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN.....	153
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT	155
CHÍNH SÁCH CÔNG ĐỐI VỚI ĐỘC QUYỀN.....	158
BÁN CẠNH TRANH.....	161
ĐƯỜNG CẦU CỦA DOANH NGHIỆP.....	161
QUYẾT ĐỊNH SẢN XUẤT	163
CHI PHÍ PHÂN BIỆT.....	164
BÁN ĐỘC QUYỀN.....	165
PHÂN BIỆT GIÁ	165
MÔ HÌNH ĐƯỜNG CẦU LẬP DỊ	167

LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI.....	169
CHƯƠNG 8: CUNG CẦU THỊ TRƯỜNG NGUỒN LỰC	183
THỊ TRƯỜNG NGUỒN LỰC	183
CUNG CẦU NGUỒN LỰC.....	184
CẦU NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP.....	187
THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG	189
TIỀN LƯƠNG VÀ CUNG LAO ĐỘNG.....	189
SỰ KHÁC BIỆT VỀ TIỀN LƯƠNG.....	190
VAI TRÒ CỦA NGHIỆP ĐOÀN	191
VỐN, CÔNG NGHỆ VÀ TÀI NGUYÊN	193
THỊ TRƯỜNG VỐN.....	193
SỰ THAY ĐỔI CÔNG NGHỆ	195
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	195
CHƯƠNG 9: NGOẠI ỨNG VÀ HÀNG HÓA CÔNG CỘNG.....	207
NGOẠI ỨNG.....	207
NGOẠI ỨNG LÀ GÌ.....	207
GIẢI QUYẾT CÁ NHÂN VỀ NGOẠI ỨNG.....	211
CHÍNH SÁCH CÔNG CỘNG ĐỐI VỚI NGOẠI ỨNG	213
HÀNG HÓA CÔNG CỘNG.....	216
PHÂN LOẠI HÀNG HÓA	216
HÀNG HÓA CÔNG CỘNG	218
TÀI NGUYÊN CHUNG	221

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

Các nhà kinh tế cho rằng vấn đề trọng tâm của kinh tế học là sự khan hiếm. Sự khan hiếm nguồn lực đòi hỏi các cá nhân và xã hội đưa ra quyết định lựa chọn. Kinh tế học nghiên cứu sự lựa chọn trong điều kiện nguồn lực khan hiếm. Chương này đề cập đến những vấn đề kinh tế cơ bản và cách thức giải quyết các vấn đề đó trong nền kinh tế, các mối quan hệ trong nền kinh tế và sự tương tác với thị trường, những khái niệm và nguyên lý cơ bản của kinh tế học, phạm vi phân tích của kinh tế học vi mô và vĩ mô và cách thức tiếp cận trong việc nghiên cứu các vấn đề kinh tế.

Sau khi nghiên cứu chương này, bạn có thể:

Xác định những vấn đề cơ bản của mọi tổ chức kinh tế và cách thức giải quyết của nền kinh tế.

Hiểu được kinh tế học là gì, phân biệt phạm vi phân tích kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.

Vận dụng phân tích thực chứng và phân tích chuẩn tắc trong các vấn đề kinh tế.

Phân tích chi phí cơ hội liên quan đến sự lựa chọn của cá nhân, tổ chức và xã hội.

Con người từ lúc sinh ra và trưởng thành đều có nhu cầu về tình yêu, sự thừa nhận xã hội, nhu cầu vật chất và tiện nghi cuộc sống. Các nhu cầu có thể được thỏa mãn từ nguồn lực sẵn có trong thiên nhiên hay được sản xuất ra bằng cách kết hợp các nguồn lực về con người, công cụ, máy móc, tài nguyên để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ thỏa mãn mong muốn vật chất của con người. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua một cơ chế có tổ chức, đó là nền kinh tế. Những vấn đề cơ bản của nền kinh tế không chỉ thuộc phạm vi giải quyết của quốc gia, mà còn chịu ảnh hưởng của các quyết định của mỗi cá nhân trong xã hội. Bởi lẽ bất kỳ quyết định lựa chọn nào, cách thức giải quyết như thế nào, suy cho cùng là nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế, chúng ta phải nhận thức được những vấn đề cơ bản mà bất kỳ nền kinh tế nào cũng phải giải quyết. Đó là:

Sản xuất cái gì?

Sản xuất như thế nào?

Sản xuất cho ai?

Chúng ta hãy xem xét cụ thể các vấn đề kinh tế cơ bản.

Sản xuất cái gì?

Vấn đề đầu tiên có thể được hiểu như là: **“Sản phẩm và dịch vụ nào sẽ được sản xuất?”**. Trong nền kinh tế thị trường, sự tương tác giữa người mua và người bán vì lợi ích cá nhân sẽ xác định sản phẩm và dịch vụ nào sẽ được sản xuất. Nhà kinh tế học Adam Smith trong tác phẩm *“The Wealth of Nations”* đã cho rằng sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất sẽ đem lại lợi ích cho xã hội.

Sự cạnh tranh làm cho các nhà sản xuất cung cấp các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Trong việc tìm kiếm lợi nhuận, nhà sản xuất cố gắng cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao hơn nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Điều này có thể giải thích tại sao người tiêu dùng có “*quyền tối thượng*” xác định những sản phẩm và dịch vụ nào sẽ được sản xuất. Một số nhà kinh tế, chẳng hạn như John Kenneth Galbraith cũng đề cập đến vấn đề này và cho rằng các hoạt động tiếp thị của các công ty lớn có thể ảnh hưởng đáng kể đến cầu tiêu dùng trong ngắn hạn. Hầu hết, các nhà kinh tế đều thống nhất rằng mặc dầu các biện pháp tiếp thị có thể ảnh hưởng cầu tiêu dùng, nhưng người tiêu dùng mới chính là người quyết định sản phẩm và dịch vụ nào sẽ được mua.

Nếu vì lý do nào đó, người tiêu dùng mong muốn tiêu dùng sản phẩm nhiều hơn, điều này sẽ làm tăng cầu. Trong ngắn hạn, sự gia tăng cầu có thể làm tăng giá cả, lượng sản xuất cũng tăng lên và lợi nhuận của các công ty trong ngành cũng cao hơn. Lợi nhuận cao trong ngành sẽ hấp dẫn các công ty mới gia nhập thị trường trong dài hạn và vì vậy cung thị trường sẽ tăng lên. Sự tăng cung sẽ làm cho giá cả hàng hóa giảm xuống trong khi đó lượng bán vẫn tiếp tục tăng lên. Lợi nhuận trong ngắn hạn do sự gia tăng cầu trong ngắn hạn dần dần sẽ bị mất đi khi giá giảm xuống. Điều này có thể giải thích sự phù hợp với khái niệm quyền tối thượng của người tiêu dùng.

Sản xuất như thế nào?

Vấn đề thứ hai có thể phát biểu một cách hoàn chỉnh như là: “**Sản phẩm và dịch vụ được sản xuất bằng cách nào?**”. Vấn đề này liên quan đến việc xác định những nguồn lực nào được sử dụng và phương pháp để sản xuất ra những sản phẩm và dịch vụ. Chẳng hạn để sản xuất ra điện, các quốc gia có thể xây dựng các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử. Tuy nhiên, việc lựa chọn phương pháp sản xuất nào còn phải xem xét trên khía cạnh hiệu quả kinh tế - xã hội, nguồn lực và trình độ khoa học kỹ thuật của mỗi quốc gia.

Trong nền kinh tế thị trường, các nhà sản xuất vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ phải tìm kiếm các nguồn lực có chi phí thấp nhất có thể (giả định với số lượng và chất lượng sản phẩm không thay đổi). Các phương pháp và kỹ thuật sản xuất mới chỉ có thể được chấp nhận khi chúng làm giảm chi phí sản xuất. Trong khi đó, các nhà cung cấp nguồn lực sản xuất sẽ cung cấp nguồn lực đem lại cho họ các giá trị cao nhất. Một lần nữa, “*bàn tay vô hình*” của Adam Smith dẫn dắt cách thức phân phối nguồn lực đem lại giá trị sử dụng cao nhất.

Để có thể lý giải tại sao một số quốc gia lựa chọn tập trung sản xuất một số hàng hóa và trao đổi với các quốc gia khác. Vấn đề ở đây liên quan đến việc xem xét chi phí cơ hội và bằng cách so sánh chi phí tương đối trong việc sản xuất các hàng hóa, các quốc gia sẽ sản xuất và trao đổi hàng hóa trên cơ sở chi phí cơ hội thấp nhất.

Sản xuất cho ai?

Vấn đề thứ ba phải giải quyết đó là, “**Ai sẽ nhận sản phẩm và dịch vụ?**”. Trong nền kinh tế thị trường, thu nhập và giá cả xác định ai sẽ nhận hàng hóa và dịch vụ cung cấp. Điều này được xác định thông qua tương tác của người mua và bán trên thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực.

Thu nhập chính là nguồn tạo ra năng lực mua sắm của các cá nhân và phân phối thu nhập được xác định thông qua: tiền lương, tiền lãi, tiền cho thuê và lợi nhuận trên thị trường nguồn lực sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, những ai có nguồn tài nguyên, lao động, vốn và kỹ năng quản lý cao hơn sẽ nhận thu nhập cao hơn. Với thu nhập này, các cá nhân đưa ra quyết định loại và số lượng sản phẩm sẽ mua trên thị trường sản phẩm

và giá cả định hướng cách thức phân bổ nguồn lực cho những ai mong muốn trả với mức giá thị trường.

NỀN KINH TẾ: TỔNG QUAN

Dĩ nhiên trong nền kinh tế thực, thị trường không thể quyết định tất cả các vấn đề này. Trong hầu hết các xã hội, chính phủ tác động đến cái gì sẽ được sản xuất, sản xuất bằng cách nào và ai sẽ nhận những sản phẩm và dịch vụ. Chi tiêu của chính phủ, các qui định về an toàn và sức khỏe, qui định mức lương tối thiểu, luật lao động trẻ em, các qui định về môi trường, hệ thống thuế và các chương trình phúc lợi có ảnh hưởng quan trọng đến các thức giải quyết các vấn đề cơ bản trong bất kỳ xã hội nào.

Các thành phần của nền kinh tế

Để hiểu được nền kinh tế vận hành như thế nào, chúng ta hãy xem xét các thành phần của nền kinh tế và sự tương tác lẫn nhau giữa các thành phần này. Trong nền kinh tế giản đơn, các thành phần của nền kinh tế bao gồm: hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ.

Hộ gia đình bao gồm một nhóm người chung sống với nhau như một đơn vị ra quyết định. Một hộ gia đình có thể gồm một người, nhiều gia đình, hoặc nhóm người không có quan hệ nhưng chung sống với nhau. Chẳng hạn, hai sinh viên cùng thuê trọ một phòng.

Hộ gia đình là nguồn cung cấp lao động, tài nguyên, vốn và quản lý để nhận các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền lãi và lợi nhuận. Hộ gia đình cũng đồng thời là người tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ.

Doanh nghiệp là tổ chức kinh doanh sở hữu và điều hành các đơn vị kinh doanh của nó. Đơn vị kinh doanh là một cơ sở trực thuộc dưới hình thức nhà máy, nông trại, nhà bán buôn, bán lẻ hay nhà kho mà nó thực hiện một hoặc nhiều chức năng trong việc sản xuất và phân phối sản phẩm hay dịch vụ.

Một doanh nghiệp có thể chỉ có một đơn vị kinh doanh, hoặc cũng có thể gồm nhiều đơn vị kinh doanh. Trong khi đó, một ngành gồm một nhóm các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm giống hoặc tương tự nhau.

Để tạo ra sản phẩm và dịch vụ, các doanh nghiệp sử dụng các nguồn lực như: nhà máy, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải, mặt bằng kinh doanh và các nguồn lực khác. Các nhà kinh tế phân chia nguồn lực thành các nhóm:

- **Tài nguyên** là nguồn lực thiên nhiên, “quà tặng của thiên nhiên”, tham gia vào quá trình sản xuất, bao gồm: đất trồng trọt, tài nguyên rừng, quặng mỏ, nước, ...

- **Vốn** hay còn gọi là đầu tư, nhằm hỗ trợ cho quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm. Chẳng hạn, công cụ máy móc, thiết bị, phân xưởng, nhà kho, phương tiện vận tải, ... vốn ở đây không phải là tiền, bản thân tiền thì không tạo ra cái gì cả trừ khi tiền được dùng để mua sắm máy móc, thiết bị và các tiện ích phục vụ cho sản xuất thì mới trở thành vốn.

- **Lao động** chỉ năng lực về trí tuệ và thể lực tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Chẳng hạn, lao động tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, bán hàng, ...

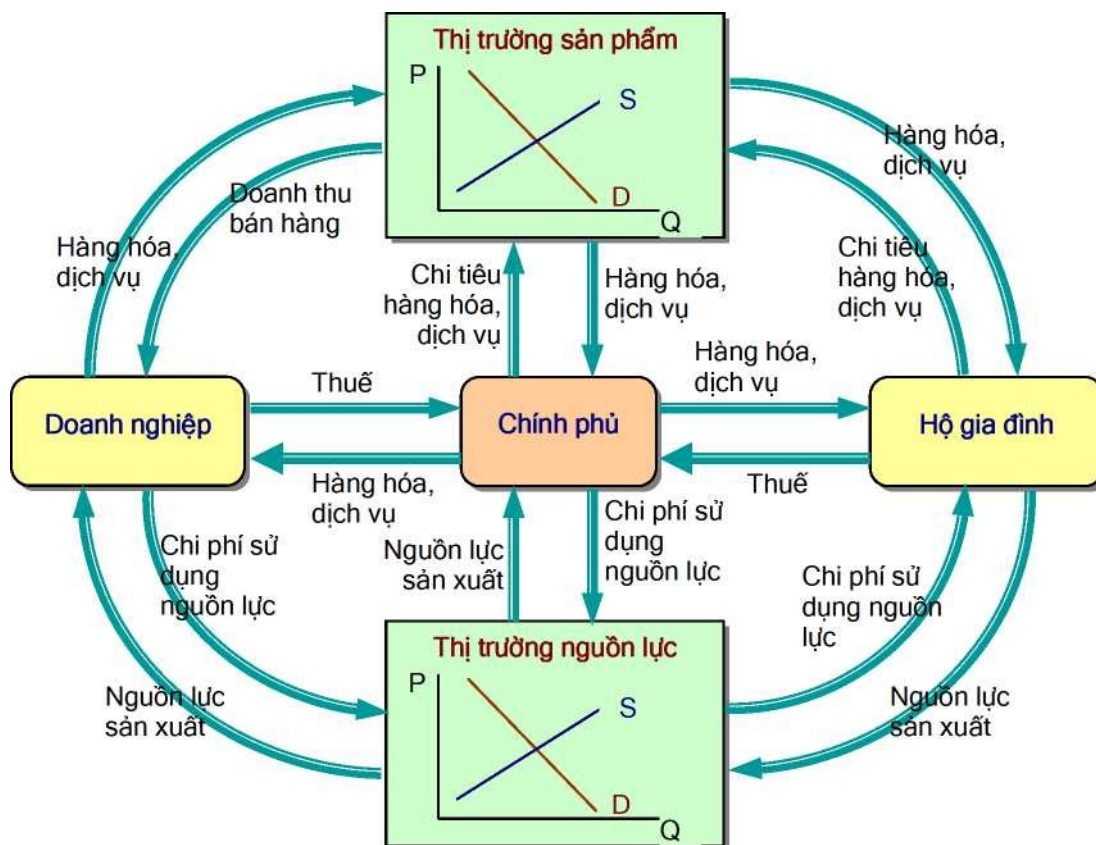
- **Quản lý** là khả năng điều hành doanh nghiệp. Người quản lý thực hiện các công việc trong việc kết hợp các nguồn lực tài nguyên, vốn, lao động để tạo ra hàng hóa và dịch vụ; đưa ra các quyết định về chính sách kinh doanh; đổi mới sản phẩm, kỹ thuật, cải cách quản lý; người quản lý gắn trách nhiệm với các quyết định và chính sách kinh doanh. Vì vậy, người quản lý cũng là người chịu rủi ro.

Chính phủ là một tổ chức gồm nhiều cấp, ban hành các luật, qui định và vận hành nền kinh tế theo một cơ chế dựa trên luật. Chính phủ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công cộng như: an ninh quốc phòng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giao thông, giáo dục. Bằng cách thay đổi và điều chỉnh luật, qui định, thuế. Chính phủ có thể tác động đến sự lựa chọn của các hộ gia đình và doanh nghiệp.

Dòng luân chuyển trong nền kinh tế

Biểu đồ dòng luân chuyển dưới đây minh họa dòng dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ và nguồn lực giữa hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ. Như biểu đồ minh họa, các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm và dịch vụ trên thị trường sản phẩm cho các hộ gia đình. Trong khi đó, các hộ gia đình cung cấp các nguồn lực trên thị trường nguồn lực (tài nguyên, lao động, vốn và quản lý) cho các doanh nghiệp để sản xuất hàng hóa.

TaiLieu.vn



Dòng tiền tệ cũng đi kèm với dòng dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ và nguồn tài nguyên. Như biểu đồ minh họa, hộ gia đình sử dụng thu nhập (từ việc cung cấp nguồn lực) để thanh toán cho hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. Mối quan hệ tương quan giữa thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực có thể dễ dàng nhận thấy thông qua biểu đồ này. Hộ gia đình có thể chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ từ thu nhập có được do cung cấp nguồn lực. Tương tự như vậy, các doanh nghiệp chỉ có thể trả lương, tiền lãi, tiền thuê và lợi nhuận từ doanh thu do bán hàng hóa và dịch vụ cho các hộ gia đình.

Như biểu đồ cho thấy, chính phủ thu thuế từ hộ gia đình và doanh nghiệp và cung cấp các dịch vụ công cộng trở lại. Để tạo ra các dịch vụ công cộng, chính phủ mua các nguồn lực từ các hộ gia đình và doanh nghiệp. Đồng thời, chính phủ cũng thanh toán cho các hộ gia đình và cho các doanh nghiệp.

Biểu đồ trên mô tả mối quan hệ giữa các thành phần trong kinh tế thông qua các tương tác trên thị trường sản phẩm và thị trường nguồn lực. Thực tế, không phải tất cả thu nhập của hộ gia đình đều chi tiêu hết vào hàng hóa và dịch vụ, một số thu nhập dành để tiết kiệm dưới hình thức đầu tư. Khi đó, các trung gian tài chính (ngân hàng và các tổ chức tài chính) đóng vai trò trung gian trong việc dịch chuyển nguồn vốn cho các nhu cầu đầu tư của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế toàn cầu, thương mại phải được xem xét trong các nền kinh tế. Nhập khẩu làm dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ từ thị trường nước ngoài vào thị trường nội địa. Trong khi đó, xuất khẩu dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ từ thị trường nội địa ra thị trường nước ngoài. Xuất khẩu ròng chính là phần chênh lệch giá trị hàng hóa và dịch vụ giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Khi đó, xuất hiện dòng tiền ròng chảy vào trong nước nếu như xuất khẩu ròng dương và ngược lại.

Các mô hình của nền kinh tế

Xã hội có thể vận dụng nhiều cách thức và cơ chế phối hợp để giải quyết các vấn đề kinh tế. Các mô hình của nền kinh tế phân loại dựa trên hai tiêu thức sau:

Quan hệ sở hữu về nguồn lực sản xuất.

Cơ chế phối hợp và định hướng các hoạt động của nền kinh tế.

Nền kinh tế thị trường được đặc tính bởi quan hệ sở hữu tư nhân về nguồn lực sản xuất và sử dụng hệ thống thị trường và giá cả để phối hợp và định hướng các hoạt động kinh tế.

Trong một nền kinh tế như vậy, các thành phần của nền kinh tế vì lợi ích cá nhân sẽ ra các quyết định nhằm tối đa thu nhập. Thị trường là một cơ chế mà ở đó các quyết định và sở thích cá nhân được truyền thông và phối hợp với nhau. Thực tế, các sản phẩm và dịch vụ được tạo ra và các nguồn lực được cung cấp dưới điều kiện cạnh tranh thị trường thông qua hành động độc lập của người mua và người bán trên thị trường.

Nền kinh tế thị trường thúc đẩy sử dụng nguồn lực hiệu quả, gia tăng sản lượng, ổn định việc làm và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, vai trò của chính phủ là rất hạn chế (trong việc hoạch định, kiểm soát và biện pháp can thiệp của chính phủ). Vai trò của chính phủ chủ yếu là nhằm:

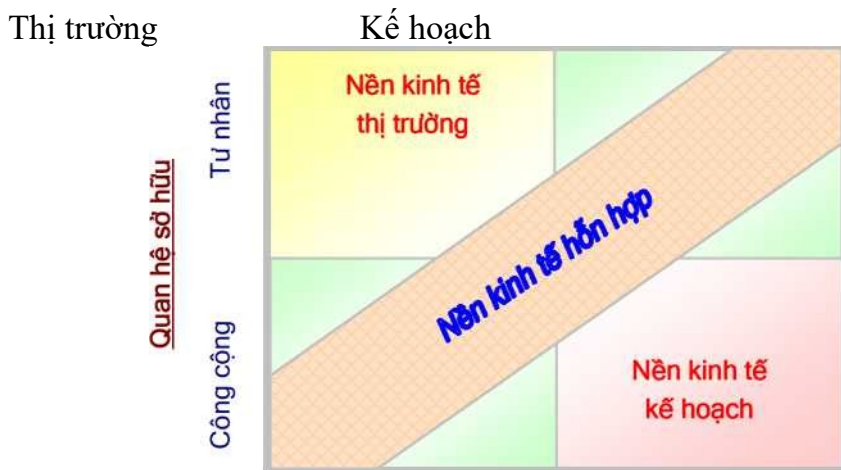
- Bảo vệ quyền sở hữu tư nhân về nguồn lực sản xuất.
- Thiết lập hành lang pháp lý phù hợp với kinh tế thị trường.

Nền kinh tế kế hoạch được đặc trưng bởi quyền sở hữu công cộng đối với mọi nguồn lực và quyền đưa ra các quyết định kinh tế bởi nhà nước thông qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Nhà nước quyết định cơ cấu các ngành, đơn vị sản xuất và phân bổ sản lượng và các nguồn lực sử dụng để tổ chức quá trình sản xuất.

Các doanh nghiệp sở hữu bởi chính phủ và sản xuất theo định hướng của nhà nước. Nhà nước giao kế hoạch sản xuất và định mức chi tiêu cho các doanh nghiệp và hoạch định phân bổ nguồn lực cụ thể cho các doanh nghiệp để thực hiện các mục tiêu sản xuất này.

Nền kinh tế hỗn hợp nằm giữa hai thái cực của kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch. Hầu hết, các quốc gia hiện nay đều vận dụng mô hình kinh tế hỗn hợp. Nền kinh tế hỗn hợp phát huy ưu điểm của nền kinh tế thị trường, đồng thời tăng cường vai trò của chính phủ trong việc điều chỉnh các khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường.

Cơ chế phối hợp



VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Một trong những hiệu quả của thị trường, đó là sự hữu hiệu kinh tế - điều này có nghĩa là, không ai có thể trở nên tốt hơn mà không làm cho người khác tồi tệ đi.

Vai trò của chính phủ có thể chia thành hai nhóm: chính sách vĩ mô và chính sách vi mô. Chính sách vi mô giải quyết việc cung cấp hàng hóa công cộng, điều chỉnh khiếm khuyết thị trường và tăng cường cạnh tranh. Chính sách vĩ mô được chia thành hai nhóm: chính sách tài

khóa và chính sách tiền tệ. Chính sách tiền tệ và kiểm soát lượng tiền lưu thông và các khoản tín dụng và chính sách tài khóa để định hướng chính phủ trong việc chi tiêu và thuế.

Vai trò của chính phủ đối với các hoạt động của nền kinh tế, bao gồm:

Cung cấp một nền tảng pháp lý:

Chính phủ ban hành các luật và qui định nhằm tạo môi trường hoạt động hữu hiệu cho các hoạt động của nền kinh tế. Các hoạt động cụ thể như: xác định quyền sở hữu của các doanh nghiệp, điều chỉnh các mối quan hệ trong nền kinh tế và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Duy trì năng lực cạnh tranh:

Cạnh tranh là cơ chế vốn có trong nền kinh tế thị trường. Trong hầu hết các nền kinh tế, sản xuất hiệu quả đạt được ở mức cạnh tranh cao thông qua các công cụ như: quyết định cung cầu nhằm xác định giá cả thị trường và qui định về giá, chống độc quyền, ...

Phân phối thu nhập:

Chính phủ có thể tác động vào nền kinh tế trong việc phân phối thu nhập giữa các hộ gia đình thông qua: các chính sách và các chương trình (trợ cấp thất nghiệp, hưu trí và chăm sóc sức khỏe cộng đồng), can thiệp thị trường (điều chỉnh giá và hỗ trợ giá) và thuế thu nhập cá nhân.

Điều chỉnh phân bổ nguồn lực xã hội:

Các nhà kinh tế nhận thấy rằng hai khiếm khuyết trong việc phân bổ nguồn lực không hiệu quả của nền kinh tế thị trường, đó là: sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho xã hội (chủng loại và số lượng), sản phẩm và dịch vụ công cộng.

Ổn định nền kinh tế:

Hầu hết, các chức năng của chính phủ là nhằm mục tiêu ổn định và hỗ trợ nền kinh tế để đạt hiệu quả trong việc sử dụng nguồn lực và bình ổn giá cả.

Điều trước tiên mà chúng ta đề cập là định nghĩa về “*kinh tế học*”. Các nhà kinh tế thường định nghĩa kinh tế học như là ngành nghiên cứu cách thức cá nhân và xã hội sử dụng các nguồn lực khan hiếm để thỏa mãn nhu cầu vô hạn của con người. Sự khan hiếm nguồn lực đòi hỏi cá nhân, xã hội phải đưa ra quyết định lựa chọn và các nhà kinh tế cố gắng tiếp cận, giải quyết và tranh luận các vấn đề kinh tế như một nhà khoa học. Mục đích là nhằm hiểu cách thức vận hành và cải thiện thế giới tốt hơn.

KINH TẾ HỌC

Để xem xét khái niệm này cụ thể hơn, hãy nghĩ tình huống của chính bạn. Liệu bạn có đủ thời gian cho các công việc mà bạn mong muốn thực hiện hay không? Bạn có khả năng trang trải cho các hàng hóa và dịch vụ cho nhu cầu vật chất của bạn hay không? Các nhà kinh tế cho rằng mọi người mong muốn nhiều thứ, thậm chí cả những người giàu có nhất trong xã hội cũng không nằm ngoài hiện tượng này. Vấn đề nguồn lực hạn chế và nhu cầu vô hạn cũng có thể vận dụng cho tổng thể xã hội. Liệu bạn nghĩ về một xã hội mà ở đó mọi nhu cầu có thể được thỏa mãn hay không? Hầu hết các xã hội đều mong muốn chăm sóc sức khỏe tốt hơn, chất lượng giáo dục cao hơn, giảm tỷ lệ nghèo và một môi trường trong sạch hơn. Điều đáng tiếc là xã hội không đủ các nguồn lực để đáp ứng các mục tiêu này.

Định nghĩa kinh tế học

Vấn đề khan hiếm nguồn lực yêu cầu các nền kinh tế hay các đơn vị kinh tế phải giải quyết đối với sự lựa chọn. Các nhà kinh tế cho rằng: **Kinh tế học là “khoa học của sự lựa chọn”**. Kinh tế học tập trung vào việc sử dụng và quản lý các nguồn lực hạn chế để đạt được

thỏa mãn tối đa nhu cầu vật chất của con người. Đặc biệt, kinh tế học nghiên cứu hành vi trong sản xuất, phân phối và tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ trong thế giới nguồn lực hạn chế.

Dựa vào hành vi kinh tế, các nhà kinh tế phân kinh tế học theo hai mức độ phân tích khác nhau: kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô.

Kinh tế học vĩ mô

Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế quốc dân và kinh tế toàn cầu, xem xét xu hướng phát triển và phân tích biến động một cách tổng thể, toàn diện về cấu trúc của nền kinh tế và mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế.

Mục tiêu phân tích của kinh tế học vĩ mô nhằm giải thích giá cả bình quân, tổng việc làm, tổng thu nhập, tổng sản lượng sản xuất. Kinh tế học vĩ mô còn nghiên cứu các tác động của chính phủ như thuế, chi tiêu, thâm hụt ngân sách lên tổng việc làm và thu nhập. Chẳng hạn, kinh tế học vĩ mô nghiên cứu chi phí cuộc sống bình quân của dân cư, tổng giá trị sản xuất, chi tiêu ngân sách của một quốc gia.

Kinh tế học vi mô

Kinh tế học vi mô nghiên cứu các quyết định của các cá nhân và doanh nghiệp và các tương tác giữa các quyết định này trên thị trường. Kinh tế học vi mô giải quyết các đơn vị cụ thể của nền kinh tế và xem xét một cách chi tiết cách thức vận hành của các đơn vị kinh tế hay các phân đoạn của nền kinh tế.

Mục tiêu của kinh tế học vi mô nhằm giải thích giá và lượng của một hàng hóa cụ thể. Kinh tế học vi mô còn nghiên cứu các qui định, thuế của chính phủ tác động đến giá và lượng hàng hóa và dịch vụ cụ thể. Chẳng hạn, kinh tế học vi mô nghiên cứu các yếu tố nhằm xác định giá và lượng xe hơi, đồng thời nghiên cứu các qui định và thuế của chính phủ tác động đến giá cả và lượng sản xuất xe hơi trên thị trường.

Sự phân biệt kinh tế học vĩ mô và vi mô không có nghĩa là phải tách rời các vấn đề kinh tế một cách riêng biệt. Nhiều vấn đề liên quan đến cả hai. Chẳng hạn, sự ra đời của video game và sự phát triển của thị trường sản phẩm truyền thông. Kinh tế học vĩ mô giải thích ảnh hưởng của phát minh lên tổng chi tiêu và việc làm của toàn bộ nền kinh tế. Trong khi đó, kinh tế học vi mô giải thích các ảnh hưởng của phát minh lên giá và lượng của sản phẩm này và số người tham gia trò chơi.

KHOA HỌC VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Các nhà kinh tế không chỉ nghiên cứu các vấn đề kinh tế và còn tiếp cận giải quyết vấn đề theo nhiều cách thức khác nhau. Các cách tiếp cận khác nhau có thể được tóm tắt như sau:

Khoa học kinh tế

Chính sách kinh tế

Khoa học kinh tế cố gắng tìm hiểu nền kinh tế vận hành như thế nào. Trong khi đó, **chính sách kinh tế** cố gắng cải thiện hoạt động của nền kinh tế. Khoa học và chính sách kinh tế đôi khi trùng lặp nhau theo nhiều phương diện. Chúng ta hãy xem xét cụ thể hơn hai cách tiếp cận này của các nhà kinh tế.

Khoa học kinh tế

Kinh tế học là khoa học xã hội (cùng với khoa học chính trị, triết học và xã hội học) và nhiệm vụ chính của các nhà kinh tế là khám phá sự vận hành của nền kinh tế. Để làm được điều đó, các nhà kinh tế

- Nhận thức vấn đề ,
- Đưa ra các giả định,

- Phát triển các mô hình,
- Xây dựng các giả thuyết và
- Kiểm định mô hình.

Một **mô hình** kinh tế dựa trên một số ràng buộc (giả định) để đưa ra các **giả thuyết** kinh tế. Sau đó, các nhà kinh tế tiến hành kiểm định các giả thuyết thông qua các dữ kiện kinh tế phù hợp. Nếu các giả thuyết đưa ra không phù hợp với dữ kiện thì tiến hành xây dựng mô hình và ràng buộc mới. Các mô hình thiết kế giúp chúng ta hiểu các nguyên lý kinh tế cơ bản về cách thức vận hành của nền kinh tế. Ngoài ra, mô hình giúp các doanh nghiệp đưa ra các quyết định về giá và lượng sản xuất, giúp các gia đình đưa ra các quyết định tiêu dùng và giúp chính phủ xây dựng các chính sách kinh tế.

Để giải quyết các vấn đề kinh tế, các nhà kinh tế tiến hành thu thập dữ liệu, xây dựng mô hình và các ràng buộc theo nhiều cách thức khác nhau. Chính vì vậy, chúng ta thường nhận thấy đôi khi có sự bất đồng trong các tranh luận giữa các nhà kinh tế. Sự bất đồng cũng có thể xuất phát từ quan điểm, giá trị của các nhà kinh tế đối với vấn đề kinh tế đặt ra.

Chính sách kinh tế

Chính sách kinh tế tập trung vào việc đề xuất cho các hoạt động của chính phủ và thiết kế hoạt động cho các tổ chức nhằm cải thiện năng lực hoạt động của nền kinh tế. Các nhà kinh tế đóng hai vai trò riêng biệt trong việc thiết lập các chính sách kinh tế.

Thứ nhất, các nhà kinh tế xem xét kết quả của các chính sách đề xuất. Chẳng hạn, các nhà kinh tế tham gia vào việc cải cách điều kiện y tế sẽ cố gắng xem xét về chi phí, lợi ích và hiệu quả của từng chính sách trên phương diện tài chính và tổ chức của lĩnh vực y tế. Khi các nhà kinh tế tham gia vào các vấn đề về môi trường sẽ cố gắng xem xét chi phí, chất lượng không khí đô thị do thay đổi các qui định về khí thải ô tô. Và khi các nhà kinh tế tham gia vào thị trường tài chính sẽ xem xét ảnh hưởng của lãi suất đến sự thay đổi thị trường chứng khoán và việc làm. Thứ hai, các nhà kinh tế đánh giá lựa chọn chính sách trên phương diện tốt hay xấu. Để làm được điều đó, các nhà kinh tế đưa ra các mục tiêu của chính sách. Việc đưa ra các mục tiêu cụ thể, rõ ràng làm cho quá trình phân tích chính sách có tính khách quan và khoa học. Vì vậy, các nhà kinh tế phát triển các tiêu chí cho việc đánh giá trên phương diện chính trị và xã hội. Có bốn mục tiêu điển hình trong các chính sách kinh tế, đó là: hữu hiệu, công bằng, tăng trưởng và ổn định.

Hữu hiệu:

Sự hữu hiệu đạt được khi chi phí sản xuất thấp nhất có thể và người tiêu dùng thỏa mãn tối đa có thể với hàng hóa và dịch vụ cung cấp. Có ba điều kiện để đạt được sự hữu hiệu về kinh tế: sản xuất hữu hiệu, tiêu dùng hữu hiệu và trao đổi hữu hiệu.

Sản xuất hữu hiệu đạt được khi mỗi doanh nghiệp tạo ra sản lượng với chi phí thấp nhất có thể. Tiêu dùng hữu hiệu đạt được khi mọi người tiêu dùng mua tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tốt nhất theo đánh giá của họ. Và trao đổi hữu hiệu khi mọi người chuyên môn hóa nghề nghiệp để mang lại lợi ích cao nhất có thể.

Công bằng:

Sự hữu hiệu kinh tế không nhất thiết là đạt được sự công bằng. Sự hữu hiệu kinh tế có thể mang lại thu nhập cao cho một số người và thu nhập thấp cho một số người khác. Các nhà kinh tế luôn mong muốn đạt được sự hữu hiệu kinh tế trong sự thống nhất cao về sự công bằng. Sự công bằng cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự bất đồng trong các chính sách kinh tế.

Tăng trưởng:

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng sản lượng sản xuất trên bình quân đầu người. Kết quả gia tăng năng suất có thể do lợi thế về công nghệ, đầu tư lớn vào thiết bị và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, sự tăng trưởng đôi khi làm cạn kiệt do sử dụng tài nguyên quá mức, nó phá hủy sự cân bằng sinh thái và ô nhiễm môi trường. Chính vì vậy, các nhà kinh tế không chỉ xem xét sự tăng trưởng của chính sách kinh tế mà còn xem xét ảnh hưởng của chính sách đối với sự tăng trưởng trong tương lai.

Ổn định:

Ổn định kinh tế là sự giảm thiểu các biến động lớn trong tốc độ tăng trưởng kinh tế, việc làm và giá cả bình quân. Hầu hết, các chính sách vĩ mô tập trung vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sự bất ổn của nền kinh tế.

KINH TẾ HỌC THỰC CHỨNG VÀ CHUẨN TẮC

Để có thể giải thích tại sao có sự tranh luận và bất đồng giữa các nhà kinh tế, chúng ta hãy xem xét các nhà kinh tế vận dụng phân tích thực chứng và chuẩn tắc trong kinh tế học.

Kinh tế học thực chứng

Kinh tế học thực chứng cố gắng đưa ra các phát biểu có tính khoa học về hành vi kinh tế. Các phát biểu thực chứng nhằm mô tả nền kinh tế vận hành như thế nào và tránh các đánh giá. Kinh tế học thực chứng đề cập đến “*điều gì là?*”. Chẳng hạn, một phát biểu thực chứng là “thất nghiệp là 7% trong lực lượng lao động”. Dĩ nhiên, con số 7% này dựa trên các dữ liệu thống kê và đã được kiểm chứng. Vì vậy, không có gì phải tranh cãi với các phát biểu thực chứng.

Kinh tế học chuẩn tắc

Trái lại, **kinh tế học chuẩn tắc** liên quan đến các đánh giá của cá nhân về nền kinh tế phải là như thế này, hay chính sách kinh tế phải hành động ra sao dựa trên các mối quan hệ kinh tế. Kinh tế học chuẩn tắc đề cập đến “*điều gì phải là?*”. Chẳng hạn, một phát biểu chuẩn tắc là “thất nghiệp phải được giảm xuống”.

Sự phân biệt giữa kinh tế học thực chứng và chuẩn tắc giúp chúng ta hiểu tại sao có sự bất đồng giữa các nhà kinh tế. Thực tế, sự bất đồng bắt nguồn từ quan điểm của mỗi nhà kinh tế khi nhìn nhận vấn đề.

Chẳng hạn, một chương trình phỏng vấn trên truyền hình về chính sách thương mại của chính phủ trong thời gian đến. Một nhà kinh tế ủng hộ chính sách tự do thương mại. Trong khi đó, một nhà kinh tế khác cho rằng chính phủ nên tăng cường rào cản thương mại. Về kinh tế học thực chứng, cả hai nhà kinh tế đều thừa nhận rằng mở rộng thương mại là có lợi cho tổng thể nền kinh tế. Mặc dầu, điều này cũng có ảnh hưởng đến một số thành phần nào đó của nền kinh tế. Tuy nhiên, sự bất đồng của họ về chính sách là do các giá trị khác nhau. Nhà kinh tế thứ nhất nhấn mạnh lợi ích của tổng thể nền kinh tế, trong khi nhà kinh tế thứ hai nhấn mạnh vào việc hạn chế ảnh hưởng của chính sách đối với một nhóm hay ngành nào đó cần được bảo hộ. Tuy rằng cả hai nhà kinh tế cùng có kết luận thực chứng như nhau, nhưng kết luận chuẩn tắc thì lại khác nhau do các giá trị khác nhau về chính sách của chính phủ. Trên phương diện truyền thông, các nhà kinh tế thường không có đủ thời gian để giải thích rõ về quan điểm. Điều này làm cho chúng ta cảm nhận rằng các nhà kinh tế không thống nhất với nhau trong chính sách kinh tế của chính phủ.

DOANH NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Như đã đề cập ở trên, kinh tế học vĩ mô tập trung xem xét hành vi sản xuất, trao đổi và tiêu dùng của các đơn vị kinh tế. Để sản xuất hàng hóa và dịch vụ, doanh nghiệp sử dụng các nguồn lực như: lao động, vốn, tài nguyên và quản lý. Với những yếu tố này, doanh nghiệp có

thể hoạch định và kiểm soát để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Ngoài ra, mỗi doanh nghiệp hoạt động trong thị trường và chịu sự tác động của môi trường kinh doanh.

LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp có thể được tổ chức dưới một trong ba hình thức cơ bản, đó là: doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

Các hình thức tổ chức kinh doanh khác nhau sẽ theo đuổi mục tiêu cũng như cách thức ra quyết định điều hành kinh doanh phù hợp với đặc điểm của từng loại hình là công việc hết sức quan trọng. Bởi mỗi loại hình có đặc trưng khác nhau về hình thức sở hữu, trách nhiệm pháp lý về các khoản nợ, cách thức phân chia lợi nhuận, khả năng huy động nguồn lực cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp tư nhân

Tổ chức kinh doanh do một người làm chủ, bỏ vốn kinh doanh và giữ quyền sở hữu đối với tất cả tài sản và chịu trách nhiệm cá nhân đối với các khoản nợ. Đặc điểm của hình thức tổ chức này là: thành lập dễ dàng, linh hoạt trong các quyết định và bí mật thông tin, ít chịu sự ràng buộc bởi các qui định của chính phủ. Tuy nhiên, hình thức này gặp khó khăn trong việc huy động nguồn lực để mở rộng kinh doanh và thời gian kinh doanh tồn tại ngắn hơn so với các hình thức tổ chức khác.

Công ty trách nhiệm hữu hạn

Tổ chức kinh doanh do một nhóm người góp vốn và sáng lập, trách nhiệm của công ty có thể là hữu hạn. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ đóng góp vốn và quản lý của các thành viên. Đây cũng là hình thức tổ chức phổ biến, bởi tính linh hoạt và khả năng huy động năng lực và nguồn lực từ các thành viên công ty.

Công ty cổ phần

Tổ chức kinh doanh do một số người sáng lập, tài sản của công ty thuộc sở hữu của các cổ đông và có trách nhiệm hữu hạn. Điều này có nghĩa là, công ty không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và tài sản của cổ đông trong trường hợp công ty giải thể hay phá sản. Hình thức tổ chức này có thể huy động nguồn vốn để mở rộng sản xuất và thu hút các nhà quản lý giỏi để điều hành doanh nghiệp.

Mặt khác, hoạt động của doanh nghiệp còn tùy thuộc vào môi trường kinh doanh - những yếu tố tác động mà sự thay đổi của nó ảnh hưởng đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Môi trường kinh doanh bao gồm các lực lượng bên ngoài ảnh hưởng đến khả năng hoạch định và hoạt động của doanh nghiệp. Tùy thuộc vào phạm vi và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố môi trường, các nhà kinh tế phân chia các yếu tố môi trường kinh doanh thành hai nhóm: môi trường vĩ mô và môi trường vi mô.

Môi trường vĩ mô

Môi trường vĩ mô bao gồm các tác nhân bên ngoài doanh nghiệp, ảnh hưởng đến doanh nghiệp một cách gián tiếp. Thông thường, phạm vi ảnh hưởng đến hoạt động chung của ngành. Các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô bao gồm: kinh tế, chính trị-pháp luật, văn hóa-xã hội, công nghệ và tự nhiên.

Chẳng hạn, qui định đóng cửa rừng của chính phủ sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khai thác gỗ hoặc doanh nghiệp sản xuất hàng gỗ gia dụng. Tuy nhiên, đây là cơ hội cho các

doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu tổng hợp, có thể thay thế cho gỗ trong việc sản xuất các mặt hàng gia dụng hay văn phòng.

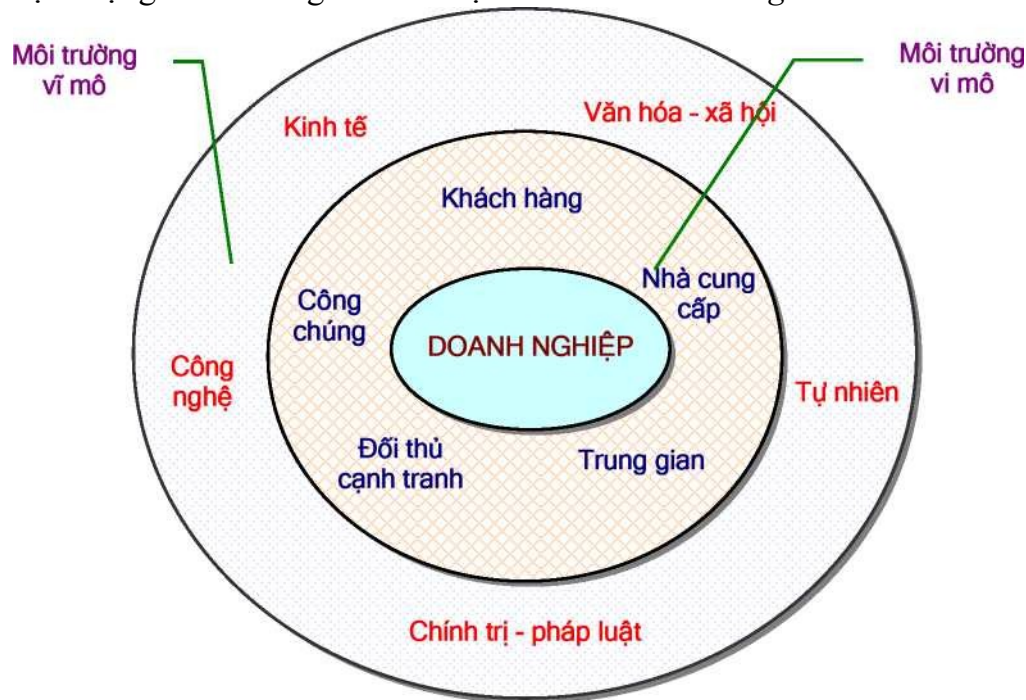
Môi trường vĩ mô

Môi trường vĩ mô bao gồm các lực lượng bên ngoài, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thậm chí với cùng một ngành, các doanh nghiệp khác nhau cũng sẽ có các lực lượng bên ngoài khác nhau như: khách hàng, đối thủ cạnh tranh, trung gian, nhà cung cấp, ...

Chẳng hạn, các doanh nghiệp gia công hàng may mặc chịu ảnh hưởng khi chính phủ qui định hạn ngạch xuất khẩu. Đây là ảnh hưởng thuộc môi trường vĩ mô vì ảnh hưởng chung cho cả ngành. Ngoài ra, các doanh nghiệp có thể có các nhà cung cấp nguyên vật liệu riêng và thị trường cho sản phẩm may mặc có thể ở Châu Âu, Mỹ, hoặc thị trường nội địa. Đây là những lực lượng ảnh hưởng đến từng doanh nghiệp cụ thể.

TaiLieu.vn

Các lực lượng môi trường có thể được xem như là “*không thể kiểm soát được*”. Mặc dù,



doanh nghiệp không thể kiểm soát được các lực lượng bên ngoài, nhưng họ có thể tác động đến chúng theo nhiều cách thức khác nhau. Chẳng hạn, các doanh nghiệp phát triển công nghệ vật liệu có thể ảnh hưởng đến nhiều công ty khác sử dụng nguyên liệu đầu vào. Sản phẩm và quảng cáo của các doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến nhận thức và quan điểm về giá trị của cá nhân và xã hội.

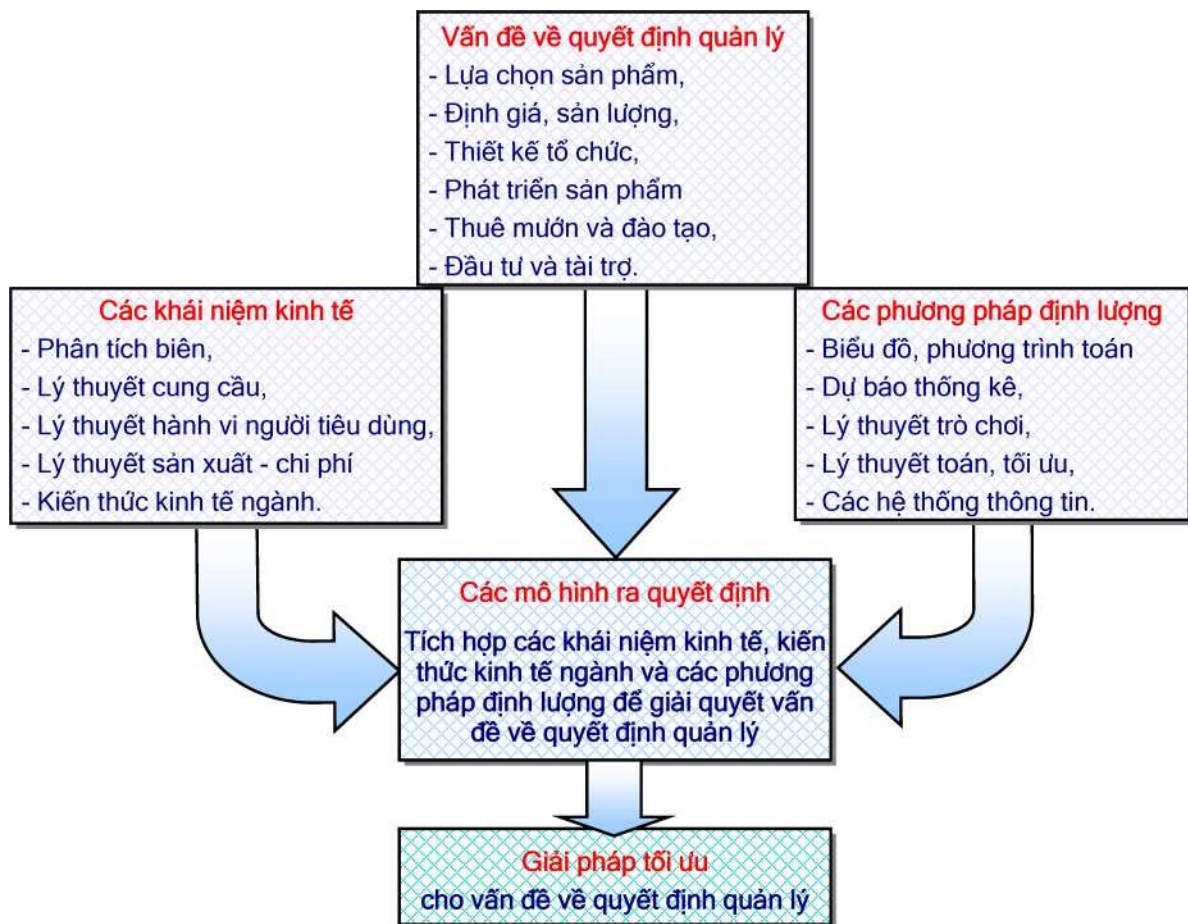
Môi trường kinh doanh có thể tác động đến các doanh nghiệp theo chiều hướng khác nhau, cũng có thể là cơ hội hoặc là đe dọa. Chỉ những doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh mới chớp lấy cơ hội trong một khoảng thời gian nhất định. Một chiến lược phù hợp được thiết lập và thực hiện để không bỏ lỡ cơ hội và hạn chế các ảnh hưởng đe dọa. Nhiều doanh nghiệp đã xây dựng qui trình thu thập thông tin từ môi trường bên ngoài như: khả năng cung ứng nguồn lực, qui định pháp luật, công nghệ mới có thể áp dụng, hay hành động của đối thủ cạnh tranh và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Điều quan trọng đối với doanh nghiệp là dự báo các thay đổi về điều kiện môi trường, hoạch định thích hợp và thực hiện phản hồi chính xác.

KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ

Kinh tế học quản lý trả lời các câu hỏi cơ bản như: khi nào thì một thị trường sản phẩm trở nên hấp dẫn và thu hút đầu tư mở rộng và gia nhập ngành? Khi nào thì một doanh nghiệp nên rút khỏi thị trường? Tại sao một số doanh nghiệp hoạt động tốt, trong khi một số khác thì không? Những nhà quản lý thành công là những nhà ra quyết định tốt trong các tình huống kinh doanh cụ thể và một trong những công cụ quan trọng nhất cho các nhà quản lý, đó chính là phương pháp luận kinh tế học quản lý.

Kinh tế học quản lý

Kinh tế học quản lý vận dụng lý thuyết và phương pháp kinh tế để điều hành và ra quyết định kinh doanh. Kinh tế học quản lý mô tả các qui tắc nhằm cải thiện khả năng ra quyết định quản lý và giúp cho các nhà quản lý nhận biết ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế đến tổ chức và hành vi ra quyết định trong quản lý. Kinh tế học quản lý là sự liên kết giữa các khái niệm kinh tế với các phương pháp định lượng nhằm phát triển các công cụ ra quyết định quản lý. Tiến trình này được minh họa bằng biểu đồ dưới đây.



Các quyết định quản lý thường liên quan đến các vấn đề phân bổ nguồn lực trong tổ chức, bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn. Trong ngắn hạn, nhà quản lý có thể quan tâm đến việc dự báo mối quan hệ giữa cầu và chi phí để ra quyết định giá đối với một sản phẩm và lượng sản phẩm sẽ sản xuất. Trong phạm vi kinh tế vi mô, việc vận dụng lý thuyết cầu và lý thuyết chi phí là rất hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề trong phạm vi doanh nghiệp và ngành. Trong khi đó, kinh tế vĩ mô cố gắng dự báo cầu trong tương lai bằng cách xem xét các lực lượng ảnh hưởng đến tổng thể của nền kinh tế.

Trong dài hạn, các quyết định liên quan đến việc mở rộng hay hợp tác sản xuất, phân phối nguồn lực, phát triển và mở rộng thị trường cho sản phẩm mới, quyết định đầu tư hay liên kết với các doanh nghiệp khác. Về cơ bản, những quyết định này tập trung vào việc xem xét qui mô kinh tế và đưa ra các quyết định đầu tư của doanh nghiệp, những quyết định đưa ra trong hiện tại nhằm thu được lợi nhuận trong tương lai. Các nhà kinh tế phát triển lý thuyết đầu tư để vận dụng cho các quyết định đầu tư vốn cụ thể.

Đánh giá các lựa chọn

Kinh tế học quản lý xác định các cách thức để đạt được mục tiêu một cách hiệu quả. Chẳng hạn, một doanh nghiệp nhỏ có thể tăng trưởng nhanh chóng bằng cách sử dụng hữu hiệu quảng cáo bằng phương tiện truyền thông trên phạm vi toàn quốc. Kinh tế học quản lý có thể vận dụng để xác định chiến lược định giá và sản lượng sản xuất để đáp ứng các mục tiêu ngắn hạn nhanh chóng và hữu hiệu. Tương tự như vậy, kinh tế học quản lý đưa ra các nguyên tắc sản xuất và tiếp thị cho phép doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận, trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và thị phần.

Kinh tế học quản lý có thể vận dụng cho tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận. Chẳng hạn, các bệnh viện cố gắng cung cấp chất lượng chăm sóc sức khỏe y tế tốt nhất trong giới hạn về nguồn lực như: nhân viên y tế, thiết bị và các nguồn lực khác. Sử dụng các khái niệm và công

cụ của kinh tế học quản lý, các nhà quản lý có thể xác định cách thức phân bổ nguồn lực tối ưu. Nói tóm lại, kinh tế học quản lý giúp các nhà quản lý tiếp cận với những qui tắc hoạt động

TaiLieu.vn